



**CÔNG TY TNHH MTV  
DU LỊCH THƯƠNG MẠI  
KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TO  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY  
31/12/2013**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số : ...*24*... / DLTM

Kiên Giang, ngày ...*05*... tháng ...*12*... năm ...*2016*

CTY TNHH DU LỊCH THƯƠNG MẠI CHANH VÂN HỒNG



*Lưu Thị Ngọc Duyên*



**CÔNG TY TNHH MTV  
DU LỊCH THƯƠNG MẠI  
KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY  
31/12/2013**



## CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

### MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 7
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2013	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2013	13 - 14
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2013	15 - 36

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được thành lập theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hợp nhất Công ty Du lịch Kiên Giang và Công ty Thương mại Kiên Giang.

Từ ngày 01/07/2010 Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang chính thức chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang theo Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/06/2010. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang sẽ kế thừa mọi nghĩa vụ và quyền lợi của Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang cũ trong quá trình hoạt động.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 186-188-190 Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700523208 ngày 30 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu như sau:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn. Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ. Dịch vụ ăn uống tại cửa hàng, quầy cố định hoặc lưu động. Hoạt động của các cửa hàng tự phục vụ;
- Vận tải hành khách liên tỉnh. Vận tải hành khách nội tỉnh. Vận tải hành khách bằng xe ô tô (trừ xe taxi, xe buýt). Vận tải hành khách bằng xe taxi. Vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hành khách bằng phương tiện thô sơ;
- Vận tải ven biển (tàu thủy, ca nô, xà lan, xuồng máy, thuyền buồm, thuyền chèo tay);
- Vận tải đường sông bằng phương tiện cơ giới. Vận tải đường sông bằng phương tiện thô sơ;
- Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh lữ hành quốc tế. Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí;
- Dịch vụ chăm sóc cá nhân;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng. Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ nhớt;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu. Mua bán nông sản thô chưa chế biến. Mua bán nông sản sơ chế. Mua bán lương thực. Mua bán thực phẩm. Mua bán cá và thủy sản. Mua bán thịt và sản phẩm từ thịt. Mua bán một số hàng thực phẩm khác;
- Mua bán đồ uống có cồn: rượu bia;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước. Mua bán gỗ, kim khí;
- Mua bán thiết bị văn phòng;
- Mua bán tạp phẩm khác;
- Mua bán hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ...;

## CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giết mổ, chế biến thịt gia cầm. Giết mổ, chế biến thịt gia súc;
- Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Môi giới thương mại. Ủy thác mua bán hàng hóa. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Môi giới, đấu giá bất động sản;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Kinh doanh ngoại hối, vàng. Dịch vụ cầm đồ;
- Kinh doanh bãi tắm
- Kinh doanh phòng hát Karaoke;
- Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Mua bán thuốc lá, thuốc Lào và sản phẩm từ sợi thuốc lá: thuốc lá điếu, xì gà, thuốc sợi;
- Đi du thuyền;
- Kinh doanh nhà vệ sinh, nhà tắm công cộng;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh. Vận tải chất lỏng: xăng, dầu, nước, sữa. Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường sông liên vận;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ. Cho thuê phương tiện vận tải đường thủy;
- Dịch vụ gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc;
- Hoạt động ca nhạc tạp kỹ;
- Các hoạt động nhiếp ảnh;
- Bán lẻ qua bưu điện;
- Mua bán đồ uống không cồn: nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết;
- Cho thuê kho, bãi đậu xe. Mua bán thiết bị khác: vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và đóng hộp thủy sản. Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh. Chế biến và bảo quản thủy sản khô. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn thủy sản;
- Khai thác thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản nước lợ. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm. Bán lẻ thiết bị viễn thông. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin liên quan đến máy vi tính. Hoạt động viễn thông không dây. Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Hoạt động viễn thông có dây. Lắp đặt hệ thống điện: từ 35KV trở xuống;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Bán buôn xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý xe có động cơ khác. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### 2. Các đơn vị trực thuộc

Vào thời điểm lập báo cáo này Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp
- Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng
- Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC

### 3. Thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Liễu Văn Lô	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Linh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Thón	Thành viên
Ông Đỗ Hiếu Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Chiến	Thành viên

#### Ban giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hùng Linh	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hiếu Liêm	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tung	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Hoàng	Phó Tổng giám đốc

### 4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2013 được trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

### 5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 6. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty.

### 7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với Bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực/ Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 28/04/2014

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN HÙNG LINH**





Số: 1322/SVC-CN2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch – Thương mại Kiên Giang, được lập ngày 28 tháng 04 năm 2014, từ trang 08 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như được trình bày tại mục (5.3.2) của thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa trích lập và ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh trong kỳ chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi, làm ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ số tiền là 7.074.675.233 đồng.

Như được trình bày tại mục (5.5.1) của thuyết minh báo cáo tài chính, năm 2013 Công ty đã treo lại một phần chi phí lãi vay vào khoản mục Chi phí trả trước ngắn hạn mà không ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ, làm ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh số tiền là 1.044.165.662 đồng.

Như được trình bày tại mục (5.5.2) của thuyết minh báo cáo tài chính, khoản hao hụt kho gạo vượt định mức tại Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng, hao hụt kho xăng dầu vượt định mức tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá và Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc, chưa được Công ty xem xét kết chuyển vào chi phí kinh doanh trong kỳ, cũng như quy trách nhiệm buộc các đối tượng có liên quan bồi thường.

Như được trình bày tại mục (5.9.4) của thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa trích lập và ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh trong kỳ chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn, làm ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ số tiền là 8.032.373.737 đồng.

Như được trình bày tại mục (5.14.1) của thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận đầy đủ các chi phí làm hàng xuất khẩu và phí uỷ thác xuất khẩu gạo cuối năm vào chi phí kinh doanh trong kỳ, làm ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh trong kỳ số tiền là 386.982.311 đồng.

Do đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ các xác nhận và bằng chứng liên quan đến hai khoản mục Hàng gửi bán và Ứng trước tiền hàng của khách hàng **Wee Tiong PTE LTD Singapore**, tại thời điểm kiểm toán chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác, vì vậy chúng tôi không thể kiểm chứng số liệu các khoản mục nêu trên được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, và được trình bày chi tiết tại các mục (5.4.1) và (5.12.1) của Thuyết minh báo cáo tài chính.

Như được trình bày tại mục (6.3.1) của thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ các khoản thu nhập được chia từ các công ty con, công ty liên kết mà chưa thu được tiền. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi vẫn chưa thu thập đầy đủ các thông báo chia cổ tức, giấy báo có ngân hàng nhận tiền chia cổ tức từ các công ty liên kết này, nếu số liệu chia cổ tức nêu trên có sự thay đổi sẽ ảnh hưởng đến báo cáo kết quả kinh doanh năm hiện hành của Công ty.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tại đoạn "cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch – Thương mại Kiên Giang tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

**P. GIÁM ĐỐC**  
  


**NGUYỄN VĂN NGÀ**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0703-2013-107-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**  


**ĐẶNG THỊ THIÊN NGÀ**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1

8-C  
HH  
TÊN  
MA  
Y GI

04A  
CH  
CI  
CHI  
KH  
SA  
SA

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.211.096.692.856</b>	<b>1.200.571.072.427</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	5.1	<b>278.123.683.257</b>	<b>170.157.570.540</b>
1. Tiền	111		115.723.683.257	170.157.570.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		162.400.000.000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	5.2	<b>1.457.962.373</b>	<b>268.108.081.837</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.457.962.373	268.108.081.837
2. Dự phòng giảm giá chứng-khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	5.3	<b>433.118.110.362</b>	<b>386.277.154.306</b>
1. Phải thu khách hàng	131		274.650.733.519	169.999.782.245
2. Trả trước cho người bán	132		199.757.793.771	239.609.547.302
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		24.345.766.060	26.850.698.002
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(65.636.182.988)	(50.182.873.243)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	5.4	<b>467.621.593.086</b>	<b>359.769.597.737</b>
1. Hàng tồn kho	141		467.621.593.086	359.769.597.737
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	5.5	<b>30.775.343.778</b>	<b>16.258.668.007</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.994.922.629	2.316.599.498
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.404.548.871	7.766.582.337
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		184.172.502	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.191.699.776	6.175.486.172

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>632.606.681.428</b>	<b>553.468.608.761</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>431.034.413.968</b>	<b>361.485.497.273</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	296.858.409.271	216.317.371.207
+ Nguyên giá	222		388.005.267.723	287.840.665.865
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.146.858.452)	(71.523.294.658)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	92.636.882.842	86.433.599.817
+ Nguyên giá	228		92.704.835.258	86.452.099.817
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.952.416)	(18.500.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	41.539.121.855	58.734.526.249
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	5.9	<b>189.980.633.927</b>	<b>180.491.180.180</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		59.860.830.000	59.860.830.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		100.037.889.527	98.547.987.968
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30.081.914.400	30.081.914.400
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	(7.999.552.188)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	5.10	<b>11.591.633.533</b>	<b>11.491.931.308</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11.591.633.533	11.471.931.308
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	20.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.843.703.374.284</b>	<b>1.754.039.681.188</b>

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.517.141.970.015</b>	<b>1.430.392.545.896</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.356.309.738.215</b>	<b>1.273.481.112.600</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	1.139.936.518.414	973.903.782.115
2. Phải trả người bán	312	5.12	101.914.990.102	137.060.869.665
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	15.164.330.500	13.533.820.619
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	9.765.607.318	6.387.133.322
5. Phải trả người lao động	315		3.256.865.616	24.926.743.090
6. Chi phí phải trả	316	5.14	901.360.000	1.671.241.767
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	77.062.267.293	93.919.878.520
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16.2	8.307.798.972	22.077.643.502
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>160.832.231.800</b>	<b>156.911.433.296</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		2.000.000	2.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.11	155.465.000.000	156.909.433.296
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.365.231.800	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>326.561.404.269</b>	<b>323.647.135.292</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>326.561.404.269</b>	<b>323.647.135.292</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16.1	254.383.671.160	254.364.118.569
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16.2	23.705.569.622	21.024.654.288
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16.2	38.573.476.175	38.409.694.608
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.16.1	9.898.687.312	9.848.667.827
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.843.703.374.284</b>	<b>1.754.039.681.188</b>

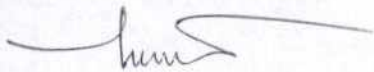
**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		73.218,03	1.909.206,76
+ EUR		257,16	257,16
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập



Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT

Ngày 28 tháng 04 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc




NGUYỄN HÙNG LINH

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	6.182.098.859.909	5.884.556.186.927
2. Các khoản giảm trừ	02		394.405.690	53.086.994
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	6.181.704.454.219	5.884.503.099.933
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.054.045.238.695	5.712.178.435.725
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.659.215.524	172.324.664.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	39.100.133.157	57.547.108.689
7. Chi phí tài chính	22	6.4	31.830.453.204	57.095.838.989
Trong đó, chi phí lãi vay	23		18.798.740.503	44.800.371.055
8. Chi phí bán hàng	24		103.182.048.786	98.591.128.028
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.831.690.028	51.511.499.841
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		915.156.663	22.673.306.039
11. Thu nhập khác	31	6.5	9.652.157.282	13.670.086.462
12. Chi phí khác	32	6.6	10.508.544.460	4.161.008.137
13. Lợi nhuận khác	40		(856.387.178)	9.509.078.325
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.769.485	32.182.384.364
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	8.750.000	6.985.935.751
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.019.485	25.196.448.613

Người lập



Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT

Ngày 28 tháng 04 năm 2014

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG LINH



CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.769.485	32.182.384.364
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.6&5.7	23.839.445.644	19.927.955.126
Các khoản dự phòng	03		7.453.757.557	5.752.241.889
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(586.062.979)	(663.057.732)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7.1	(17.903.926.266)	(43.948.646.574)
Chi phí lãi vay	06		18.798.740.503	44.800.371.055
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>				
	08		<b>31.660.723.944</b>	<b>58.051.248.128</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(71.264.178.206)	(111.784.442.414)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(66.105.734.204)	(8.791.040.706)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(61.480.119.546)	(3.240.527.828)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.451.426.397	(7.287.062.085)
Tiền lãi vay đã trả	13		(71.613.408.045)	(46.294.668.285)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.051.111.485)	(3.932.959.917)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20.000.000	60.813.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.753.410.705)	(7.995.308.536)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(251.135.811.850)</b>	<b>(131.213.948.643)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(84.031.065.117)	(176.507.676.725)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		515.545.454	275.452.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(984.966.102.000)	(1.290.617.968.984)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.251.687.453.891	1.234.658.545.873
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.582.828.762	66.966.025.808
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>194.788.660.990</b>	<b>(165.225.621.301)</b>

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.828.794.166.540	6.176.684.236.772
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.664.482.392.656)	(5.759.131.512.845)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>164.311.773.884</b>	<b>417.552.723.927</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>107.964.623.024</b>	<b>121.113.153.983</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	170.157.570.540	49.133.646.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.489.693	(89.229.676)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>278.123.683.257</b>	<b>170.157.570.540</b>

Người lập



Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT

Ngày 28 tháng 04 năm 2014

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG LINH

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được thành lập theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hợp nhất Công ty Du lịch Kiên Giang và Công ty Thương mại Kiên Giang.

Từ ngày 01/07/2010 Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang chính thức chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch- Thương mại Kiên Giang theo Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/06/2010. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang sẽ kế thừa mọi nghĩa vụ và quyền lợi của Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang cũ trong quá trình hoạt động.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 186-188-190 Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm 2013 lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty gồm các ngành nghề sau:

- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng. Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ; nhớt;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu. Mua bán nông sản thô chưa chế biến. Mua bán nông sản sơ chế. Mua bán lương thực. Mua bán thực phẩm. Mua bán cá và thủy sản. Mua bán thịt và sản phẩm từ thịt. Mua bán một số hàng thực phẩm khác;
- Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Mua bán đồ uống có cồn: rượu bia;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước. Mua bán gỗ, kim khí;
- Mua bán thiết bị văn phòng;
- Mua bán tạp phẩm khác;
- Môi giới thương mại. Ủy thác mua bán hàng hóa. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Kinh doanh ngoại hối, vàng. Dịch vụ cầm đồ;
- Mua bán đồ uống không cồn: nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết;
- Cho thuê kho, bãi đậu xe. Mua bán thiết bị khác: vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;

# **CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013**

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

- Chế biến và đông hộp thủy sản. Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh. Chế biến và bảo quản thủy sản khô. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm. Bán lẻ thiết bị viễn thông. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin liên quan đến máy vi tính. Hoạt động viễn thông không dây. Hoạt động viễn thông khác;

### **1.3. Các đơn vị trực thuộc**

Vào thời điểm lập báo cáo này Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng
- Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp
- Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **2.1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính.

#### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

## 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

## 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

- Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	08 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
+ Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm
+ Tài sản cố định vô hình - phần mềm kế toán	05 năm

## 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

- Phương pháp lập dự phòng khoản vốn đầu tư của doanh nghiệp vào tổ chức kinh tế:

Cuối kỳ nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì phải lập dự phòng.

#### 4.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

- + Không quá một năm đối với những công cụ, dụng cụ thuộc nhóm vật rẻ tiền mau hỏng
- + Không quá 2 năm đối với công cụ, dụng cụ có giá trị lớn thời gian hữu dụng dài trên 1 năm

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian hiệu lực hợp đồng.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

#### 4.8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

#### 4.9. Nguồn vốn trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và loại trừ các khoản thu nhập không được chia lợi nhuận, được phân phối như sau:

Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.

Số còn lại được phân phối theo tỷ lệ giữa vốn nhà nước đầu tư tại công ty và vốn công ty tự huy động bình quân trong năm:

- Phần lợi nhuận được chia theo vốn nhà nước đầu tư được dùng để tái đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty nhà nước.
- Lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động được phân phối như sau: trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển, trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty, số lợi nhuận còn lại được phân phối vào quỹ khen thưởng phúc lợi của công ty không vượt quá 3 tháng lương thực hiện, lợi nhuận sau khi đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi còn thừa được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

#### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản thuế phải nộp

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## 4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
Tiền mặt	1.926.211.718	2.513.922.012
Tiền gửi ngân hàng (5.1.1)	95.208.371.539	167.643.648.528
Tiền đang chuyển	18.589.100.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (5.1.2)	162.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>278.123.683.257</u></b>	<b><u>170.157.570.540</u></b>

(5.1.1) Chi tiết tiền gửi ngân hàng:

		31/12/2013
Tiền gửi ngân hàng - VNĐ		93.655.834.139
Tiền gửi ngân hàng - USD	73.218,03 #	1.544.996.955
Tiền gửi ngân hàng - EUR	257,16 #	7.540.445
<b>Cộng</b>		<b><u>95.208.371.539</u></b>

(5.1.2) Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn:

		31/12/2013
Tiền gửi kỳ hạn tại PVcomBank- VNĐ	Văn phòng Công ty	86.160.000.000
Tiền gửi kỳ hạn tại SHBBank - VNĐ	Văn phòng Công ty	17.640.000.000
Tiền gửi kỳ hạn tại OCBBank - VNĐ	Văn phòng Công ty	27.600.000.000
Tiền gửi kỳ hạn tại VietinBank - VNĐ	Văn phòng Công ty	31.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>162.400.000.000</u></b>

### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

		31/12/2013	01/01/2013
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (5.2.1)		1.457.962.373	268.108.081.837
<b>Cộng</b>		<b><u>1.457.962.373</u></b>	<b><u>268.108.081.837</u></b>

(5.2.1) Là khoản tiền gửi tại Sacombank của Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc



# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

### 5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	274.650.733.519	169.999.782.245
Trả trước cho người bán	199.757.793.771	239.609.547.302
Các khoản phải thu khác	(5.3.1) 24.345.766.060	26.850.698.002
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.3.2) (65.636.182.988)	(50.182.873.243)
<b>Cộng</b>	<b>433.118.110.362</b>	<b>386.277.154.306</b>

#### (5.3.1) Chi tiết phải thu khác

	Tình trạng nợ	31/12/2013
<b>Phải thu khác tại Văn phòng công ty</b>		<b>21.226.463.966</b>
Phạm Văn Buôi (CHTM An Minh)		50.329.549
Nguyễn Gia Đạt (CHTM Phú Quốc)	nợ khó đòi	43.413.458
Nguyễn Thị Thu Hà (CH BH TP Rạch Giá)		4.071.617.000
Đặng Xuân Hòa (CHTM Giồng Riềng)		373.103.200
Nguyễn Thanh Hùng (BTGTU Kiên Giang)		15.000.000
Trần Kiên Nghị (143 Trần Phú-RG-KG)	nợ khó đòi	7.800.000
Phan Ngọc Thiện (XN giết mổ gia cầm)	nợ khó đòi	77.468.495
BQL các dự án ĐT-XD TX Hà Tiên		2.169.919
Công ty CP Du lịch Kiên Giang		2.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang		372.081.158
Công ty TNHH MTV TMDV Kiên Giang		13.117.052.515
Phải thu các đối tượng khác		51.611.560
Phải thu về cổ phần hóa		916.283.318
Dư nợ TK 3388 – phải thu CNV về thuế TNCN		128.533.794
<b>Phải thu khác tại Nhà máy Giồng Riềng</b>		<b>1.434.529.744</b>
Phải thu về hỗ trợ lãi suất		1.422.000.000
Phải thu các đối tượng khác		7.588.800
Dư nợ TK 3388		4.940.944
<b>Phải thu khác tại XN kinh doanh xăng dầu Rạch Giá</b>		<b>272.079.380</b>
Phải thu các đối tượng khác		74.966.325
Dư nợ TK 3388		197.113.055
<b>Phải thu về hỗ trợ lãi suất tại Nhà máy Tân Hiệp</b>		<b>1.378.000.000</b>
<b>Phải thu CNV về bảo hiểm tại Nhà máy Đồ Hộp</b>		<b>34.692.970</b>
<b>Cộng</b>		<b>24.345.766.060</b>

#### (5.3.2) Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số dư công nợ cần trích lập dự phòng	Số dự phòng đã trích lập	Số dự phòng phải trích lập theo quy định	Số trích thiếu
Nhóm phải thu khách hàng	20.324.848.581	7.468.727.458	14.243.402.691	6.774.675.233
Nhóm trả trước cho người bán	57.681.199.540	57.681.199.540	57.681.199.540	-
Nhóm phải thu khác	778.496.649	478.496.649	778.496.649	300.000.000
Nhóm tạm ứng	7.759.341	7.759.341	7.759.341	-
<b>Cộng</b>	<b>78.792.304.111</b>	<b>65.636.182.988</b>	<b>72.710.858.221</b>	<b>7.074.675.233</b>

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**5.4. Hàng tồn kho**

	31/12/2013	01/01/2013
Hàng mua đang đi đường	20.037.431.271	-
Nguyên liệu, vật liệu	44.908.173.509	45.532.724.237
Công cụ, dụng cụ	1.891.932.692	1.738.017.760
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	227.079.884.703	149.880.981.956
Thành phẩm	48.291.470.730	51.515.089.298
Hàng hóa	108.373.920.491	66.163.024.323
Hàng gửi bán	(5.4.1) 17.038.779.690	44.939.760.163
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>467.621.593.086</b>	<b>359.769.597.737</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>467.621.593.086</b>	<b>359.769.597.737</b>

(5.4.1) Chi tiết hàng gửi bán:

	31/12/2013
Gạo thành phẩm gửi tại Công ty TNHH Lương thực Thuận Phát	2.111.675.635
Gạo thành phẩm xuất bán cho Wee Tiong PTE LTD Singapore	10.324.601.400
Cá hộp thành phẩm xuất bán chờ làm tờ khai xuất khẩu	4.602.502.655
<b>Cộng</b>	<b>17.038.779.690</b>

**5.5. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn	(5.5.1) 1.994.922.629	2.316.599.498
Thuế GTGT được khấu trừ	24.404.548.871	7.766.582.337
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	184.172.502	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	(5.5.2) 2.365.795.312	4.027.935.847
Tạm ứng cho nhân viên	1.825.904.464	2.147.550.325
<b>Cộng</b>	<b>30.775.343.778</b>	<b>16.258.668.007</b>

(5.5.1) Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn:

	31/12/2013
<i>Văn phòng công ty - chi phí lãi vay năm 2013 còn treo lại</i>	<i>1.044.165.662</i>
<i>Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc – phí bảo hiểm</i>	<i>97.292.181</i>
<i>Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp - công cụ dụng cụ</i>	<i>2.478.051</i>
<b>Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá</b>	<b>662.474.459</b>
Phí bảo hiểm cửa hàng xăng dầu	193.905.792
Chi phí chờ phân bổ khác	468.568.667
<b>Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC</b>	<b>188.512.276</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	99.371.358
Phí bảo hiểm	65.724.183
Chi phí chờ phân bổ khác	23.416.735
<b>Cộng</b>	<b>1.994.922.629</b>

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.5.2) Chi tiết tài sản thiếu chờ xử lý:

	31/12/2013
Hao hụt gạo vượt định mức tại NM chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng	1.755.466.624
Hao hụt xăng dầu vượt định mức tại XN kinh doanh xăng dầu Rạch Giá	605.943.204
Hao hụt xăng dầu vượt định mức tại XN kinh doanh xăng dầu Phú Quốc	4.385.484
<b>Cộng</b>	<b>2.365.795.312</b>

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>					
Số dư đầu kỳ	143.050.770.940	106.425.240.317	36.252.670.163	2.111.984.445	287.840.665.865
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>75.173.817.054</b>	<b>31.037.920.020</b>	<b>62.436.363</b>	-	<b>106.274.173.437</b>
Tăng do mua sắm	6.393.369.304	2.461.531.723	-	-	8.854.901.027
Tăng từ XDCB	68.780.447.750	27.928.390.893	62.436.363	-	96.771.275.006
Tăng do phân loại lại tài sản	-	647.997.404	-	-	647.997.404
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>2.448.241.804</b>	<b>1.666.841.234</b>	<b>1.049.893.938</b>	<b>944.594.603</b>	<b>6.109.571.579</b>
Giảm do phân loại lại tài sản	89.788.164	-	558.209.240	-	647.997.404
Giảm chuyển sang CCDC	618.205.633	1.666.841.234	65.844.290	944.594.603	3.295.485.760
Giảm thanh lý	1.740.248.007	-	425.840.408	-	2.166.088.415
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>215.776.346.190</b>	<b>135.796.319.103</b>	<b>35.265.212.588</b>	<b>1.167.389.842</b>	<b>388.005.267.723</b>
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư đầu kỳ	31.997.810.868	23.052.811.137	15.069.465.897	1.403.206.756	71.523.294.658
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>9.180.527.170</b>	<b>10.674.111.025</b>	<b>3.872.441.828</b>	<b>128.133.999</b>	<b>23.855.214.022</b>
Tăng do trích khấu hao	9.180.527.170	10.608.890.231	3.872.441.828	128.133.999	23.789.993.228
Tăng do phân loại lại tài sản	-	65.220.794	-	-	65.220.794
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>1.785.759.090</b>	<b>1.233.134.506</b>	<b>450.362.815</b>	<b>762.393.817</b>	<b>4.231.650.228</b>
Giảm do phân loại lại tài sản	27.279.746	-	37.941.048	-	65.220.794
Giảm chuyển sang CCDC	340.581.164	1.233.134.506	35.575.950	762.393.817	2.371.685.437
Giảm thanh lý	1.417.898.180	-	376.845.817	-	1.794.743.997
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>39.392.578.948</b>	<b>32.493.787.656</b>	<b>18.491.544.910</b>	<b>768.946.938</b>	<b>91.146.858.452</b>
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	111.052.960.072	83.372.429.180	21.183.204.266	708.777.689	216.317.371.207
Tại ngày cuối năm	176.356.487.496	103.329.811.193	16.773.667.678	398.442.904	296.858.409.271

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>			
Số dư đầu kỳ	86.422.099.817	30.000.000	86.452.099.817
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>6.350.235.441</b>	-	<b>6.350.235.441</b>
Tăng do mua sắm	4.900.000.000	-	4.900.000.000
Tăng do XDCB	1.450.235.441	-	1.450.235.441

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Chi tiết tăng, giảm tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>97.500.000</b>	<b>-</b>	<b>97.500.000</b>
Giảm chuyển sang CCDC	12.500.000	-	12.500.000
Giảm thanh lý	85.000.000	-	85.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>92.674.835.258</b>	<b>30.000.000</b>	<b>92.704.835.258</b>
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>-</b>	<b>18.500.000</b>	<b>18.500.000</b>
Tăng khấu hao	44.764.916	4.687.500	49.452.416
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>44.764.916</b>	<b>23.187.500</b>	<b>67.952.416</b>
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>86.422.099.817</b>	<b>11.500.000</b>	<b>86.433.599.817</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>92.630.070.342</b>	<b>6.812.500</b>	<b>92.636.882.842</b>

## 5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
Chi mua sắm tài sản dở dang	(5.8.1)	19.743.302.273	11.000.274.909
Chi xây dựng cơ bản dở dang	(5.8.2)	21.795.819.582	47.734.251.340
<b>Cộng</b>		<b>41.539.121.855</b>	<b>58.734.526.249</b>

(5.8.1) Chi tiết mua sắm tài sản dở dang:

	<b>31/12/2013</b>
Khu dân cư ấp Hoà Thuận, Vĩnh Hoà Hiệp, CT,G	10.047.750.000
Khu đô thị mới Thạnh Đông A - Huyện Tân Hiệp	103.697.273
Cửa hàng xăng dầu DA Khu 67,5 ha ( Phú Quốc)	572.736.000
Cửa hàng xăng dầu số 1	7.879.119.000
Giá trị mua đất bờ sông kho Kiên Lương	660.000.000
Tiền ký quỹ mua cửa hàng xăng dầu Tùng Liêm	480.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.743.302.273</b>

(5.8.2) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang

	<b>31/12/2013</b>
Cửa hàng xăng dầu số 10 - Tân Hiệp	105.023.657
Kho ngoại quan + siêu thị miễn thuế Hà Tiên	15.676.640.831
Khu dân cư ấp Hoà Thuận, Vĩnh Hoà Hiệp, CT,G	5.168.414.789
Dự án CH Xăng Dầu số 18 - Huyện An Minh	3.636.364
Dự án "CHXD số 11" – Kinh 7 Huyện Tân Hiệp	3.636.364
Khu đô thị mới Thạnh Đông A - Huyện Tân Hiệp	595.321.338
Nhà máy lau bóng gạo LD Campuchia	95.209.091
Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng (Mới)	18.285.056
Khu Dân Cư Phía Tây TT Giồng Riềng	5.828.000
Cửa hàng xăng dầu số 1	81.096.819
Dãy Nhà Phố Kênh 5 (Tân Hiệp)	42.727.273
<b>Cộng</b>	<b>21.795.819.582</b>

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2013	01/01/2013
Đầu tư vào công ty con	(5.9.1)	59.860.830.000	59.860.830.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(5.9.2)	100.037.889.527	98.547.987.968
Đầu tư dài hạn khác	(5.9.3)	30.081.914.400	30.081.914.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.9.4)	-	(7.999.552.188)
<b>Cộng</b>		<b><u>189.980.633.927</u></b>	<b><u>180.491.180.180</u></b>

### (5.9.1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con

	31/12/2013	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV TMDV Kiên Giang	42.000.000.000	100,00%
Công ty CP Vận tải Thủy bộ Kiên Giang	11.028.210.000	85,66%
Công ty CP Nước đá Thủy sản Kiên Giang	6.832.620.000	62,20%
<b>Cộng</b>	<b><u>59.860.830.000</u></b>	

### (5.9.2) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2013	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty CP Nông Lâm Sản Kiên Giang	9.271.700.000	30,02%
Công ty CP Chế biến Thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	4.880.000.000	35,00%
Công ty CP Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	9.766.850.000	38,08%
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học	2.560.480.000	20,00%
Công ty CP Kinh doanh Nông sản Kiên Giang	9.836.000.000	22,35%
Công ty CP Du lịch Phú Quốc	29.000.000.000	36,26%
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Đảo Ngọc	4.200.000.000	21,00%
Công ty CP Kiên Hùng I	7.500.000.000	30,00%
Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang	23.022.859.527	31,10%
<b>Cộng</b>	<b><u>100.037.889.527</u></b>	

### (5.9.3) Chi tiết các khoản đầu tư khác

	31/12/2013	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty CP Sài Gòn Phú Quốc	3.718.400.000	11,62%
Công ty CP Du lịch Kiên Giang	12.525.630.000	14,52%
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2 Kiên Giang	477.604.400	
Công ty CP Thương mại Sabeco Sông Hậu	12.800.000	
Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam	13.347.480.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>30.081.914.400</u></b>	

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.9.4) Chi tiết các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn phải trích lập theo qui định:

	Vốn góp các bên tại đơn vị	Vốn chủ sở hữu thực tại ngày 31/12/2013	Tỷ lệ vốn góp/vốn góp thực tế	Mức dự phòng theo qui định
Công ty CP Giao thông Thủy bộ	12.874.720.000	12.253.223.693	85,66%	532.373.737
Công ty TNHH Kiên Hùng I	25.000.000.000	Lỗ vượt quá vốn điều lệ	30,00%	7.500.000.000
<b>Cộng</b>				<b>8.032.373.737</b>

Năm 2013 đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên.

## 5.10. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước dài hạn (5.10.1)	11.591.633.533	11.471.931.308
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.591.633.533</b>	<b>11.491.931.308</b>

(5.10.1) Chi tiết chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013
<i>Văn phòng công ty - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>	<i>210.843.450</i>
<i>XN kinh doanh DV-TM Tổng hợp - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>	<i>74.303.977</i>
<i>Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC</i>	<i>4.620.385.793</i>
Chi phí chuyển giao công nghệ	165.666.673
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.377.426.562
Chi phí chờ phân bổ khác	77.292.558
<i>Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng</i>	<i>2.235.022.432</i>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.217.521.887
Chi phí chờ phân bổ khác	17.500.545
<i>Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp</i>	<i>2.563.607.782</i>
Phí bảo hiểm	167.779.668
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.355.766.663
Chi phí chờ phân bổ khác	40.061.451
<i>Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá</i>	<i>1.188.028.428</i>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	638.849.073
Chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu	549.179.355
<i>Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc</i>	<i>699.441.671</i>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	164.506.933
Chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu	534.934.738
<b>Cộng</b>	<b>11.591.633.533</b>

## 5.11. Các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn (5.11.1)	1.120.816.518.414	955.630.218.681
Nợ dài hạn đến hạn trả (5.11.2)	19.120.000.000	18.273.563.434
<b>Cộng nợ và vay ngắn hạn</b>	<b>1.139.936.518.414</b>	<b>973.903.782.115</b>

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Vay dài hạn		31/12/2013	01/01/2013
Vay dài hạn	(5.11.2)	155.290.000.000	156.734.433.296
Nợ dài hạn		175.000.000	175.000.000
<b>Cộng nợ và vay dài hạn hạn</b>		<b>155.465.000.000</b>	<b>156.909.433.296</b>
<b>Cộng vay ngắn hạn và dài hạn</b>		<b>1.295.401.518.414</b>	<b>1.130.813.215.411</b>

(5.11.1) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

		31/12/2013
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Kiên Giang	(5.11.1.a)	228.217.046.600
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang	(5.11.1.b)	447.346.855.200
Ngân hàng TNHH MTV HSBC – Tp. Hồ Chí Minh	(5.11.1.c)	58.995.704.692
Ngân hàng TMCP Công Thương – CN Kiên Giang	(5.11.1.d)	242.856.719.531
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Cần Thơ	(5.11.1.e)	143.400.192.391
<b>Cộng</b>		<b>1.120.816.518.414</b>

(5.11.1.a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Kiên Giang

Hợp đồng	Ngày vay	Thời hạn	31/12/2013	
			USD	VND
155/2013/HĐ	05/09/2013	4 tháng	11.000	232.047.584
158/2013/HĐ	11/09/2013	4 tháng	79.000	1.666.523.557
159/2013/HĐ	13/09/2013	4 tháng	156.000	3.290.856.645
161/2013/HĐ	16/09/2013	4 tháng	82.000	1.729.809.262
162/2013/HĐ	18/09/2013	4 tháng	212.000	4.472.189.800
163/2013/HĐ	18/09/2013	4 tháng	119.000	2.510.332.954
164/2013/HĐ	18/09/2013	4 tháng	167.000	3.522.904.229
165/2013/HĐ	19/09/2013	4 tháng	236.000	4.978.475.437
166/2013/HĐ	19/09/2013	4 tháng	114.000	2.404.856.779
167/2013/HĐ	20/09/2013	4 tháng	568.300	11.988.421.995
168/2013/HĐ	23/09/2013	4 tháng	331.500	6.993.070.370
169/2013/HĐ	23/09/2013	4 tháng	158.500	3.343.594.732
170/2013/HĐ	24/09/2013	4 tháng	355.000	7.488.808.391
171/2013/HĐ	25/09/2013	4 tháng	378.900	7.992.984.505
172/2013/HĐ	25/09/2013	4 tháng	14.000	295.333.289
173/2013/HĐ	26/09/2013	4 tháng	142.000	2.995.523.356
174/2013/HĐ	26/09/2013	4 tháng	79.000	1.666.523.557
175/2013/HĐ	26/09/2013	4 tháng	142.000	2.995.523.356
176/2013/HĐ	27/09/2013	4 tháng	521.000	10.990.617.385
177/2013/HĐ	30/09/2013	4 tháng	142.000	2.995.523.356
178/2013/HĐ	30/09/2013	4 tháng	20.000	421.904.698
179/2013/HĐ	01/10/2013	4 tháng	118.000	2.489.237.719
180/2013/HĐ	01/10/2013	4 tháng	151.000	3.185.380.470
181/2013/HĐ	02/10/2013	4 tháng	142.000	2.995.523.356

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Kiên Giang (tiếp theo)

Hợp đồng	Ngày vay	Thời hạn	USD	VND
186/2013/HĐ	10/10/2013	3 tháng	16.000	337.523.758
187/2013/HĐ	11/10/2013	3 tháng	47.000	991.476.040
188/2013/HĐ	14/10/2013	3 tháng	23.000	485.190.403
189/2013/HĐ	14/10/2013	3 tháng	57.000	1.202.428.389
190/2013/HĐ	14/10/2013	3 tháng	398.000	8.395.903.491
191/2013/HĐ	15/10/2013	3 tháng	448.000	9.450.665.237
192/2013/HĐ	17/10/2013	3 tháng	397.000	8.374.808.257
193/2013/HĐ	18/10/2013	3 tháng	47.000	991.476.040
194/2013/HĐ	18/10/2013	3 tháng	149.000	3.143.190.001
195/2013/HĐ	21/10/2013	3 tháng	47.000	991.476.041
196/2013/HĐ	21/10/2013	3 tháng	54.000	1.139.142.685
197/2013/HĐ	01/11/2013	3 tháng	90.000	1.898.571.141
198/2013/HĐ	08/11/2013	3 tháng	71.000	1.497.761.678
199/2013/HĐ	12/11/2013	3 tháng	727.000	15.336.235.775
200/2013/HĐ	14/11/2013	3 tháng	155.000	3.269.761.410
201/2013/HĐ	15/11/2013	3 tháng		2.000.000.000
202/2013/HĐ	15/11/2013	3 tháng	420.000	8.859.998.659
203/2013/HĐ	20/11/2013	3 tháng	42.000	885.999.866
204/2013/HĐ	21/11/2013	3 tháng	54.000	1.139.142.685
205/2013/HĐ	22/11/2013	3 tháng	74.000	1.561.047.383
206/2013/HĐ	25/11/2013	3 tháng	38.000	801.618.926
207/2013/HĐ	25/11/2013	3 tháng	23.000	485.190.403
208/2013/HĐ	26/11/2013	3 tháng	61.000	1.286.809.329
209/2013/HĐ	27/11/2013	3 tháng	23.000	485.190.403
210/2013/HĐ	28/11/2013	3 tháng	88.000	1.856.380.672
211/2013/HĐ	28/11/2013	3 tháng	275.000	5.801.189.598
212/2013/HĐ	29/11/2013	3 tháng	71.000	1.497.761.678
213/2013/HĐ	02/12/2013	3 tháng	23.000	485.190.403
214/2013/HĐ	02/12/2013	3 tháng	51.000	1.075.856.980
215/2013/HĐ	09/12/2013	3 tháng	71.000	1.497.761.678
216/2013/HĐ	11/12/2013	3 tháng	149.000	3.143.190.001
217/2013/HĐ	19/12/2013	3 tháng	203.000	4.282.332.685
218/2013/HĐ	24/12/2013	3 tháng	131.000	2.763.475.772
219/2013/HĐ	25/12/2013	3 tháng	47.000	991.476.041
220/2013/HĐ	30/12/2013	3 tháng		3.720.000.000
221/2013/HĐ	30/12/2013	3 tháng		14.940.000.000
222/2013/HĐ	30/12/2013	3 tháng		12.000.000.000
223/2013/HĐ	31/12/2013	3 tháng	116.000	2.447.047.249
224/2013/HĐ	31/12/2013	3 tháng	145.000	3.058.809.061
<b>Cộng</b>				<b><u>228.217.046.600</u></b>

Lãi suất vay biến động theo từng khế ước nhận nợ, trong đó lãi suất cho vay bằng USD áp dụng trong năm 2013 thấp nhất 2,5%/năm, cao nhất 3,2%/năm, lãi suất cho vay bằng VND dao động từ 6,3% đến 7%/năm.



**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

(5.11.1.b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang

Hợp đồng	Ngày vay	Thời hạn	31/12/2013	
			USD	VND
0440/13/0341/RG	01/11/2013	3 tháng		8.350.000.000
0440/13/0341/RG	04/11/2013	3 tháng		7.500.000.000
0440/13/0341/RG	11/11/2013	3 tháng		16.000.000.000
0536/13/0341/RG	19/11/2013	3 tháng		15.415.000.000
0536/13/0341/RG	21/11/2013	3 tháng		7.400.000.000
0536/13/0341/RG	22/11/2013	3 tháng		14.000.000.000
0536/13/0341/RG	25/11/2013	3 tháng		16.345.000.000
0536/13/0341/RG	26/11/2013	3 tháng		10.000.000.000
0536/13/0341/RG	28/11/2013	3 tháng		2.200.000.000
0536/13/0341/RG	29/11/2013	3 tháng		8.210.000.000
0536/13/0341/RG	29/11/2013	3 tháng		6.000.000.000
0536/13/0341/RG	05/12/2013	3 tháng		15.350.000.000
0536/13/0341/RG	06/12/2013	3 tháng		18.200.000.000
0536/13/0341/RG	09/12/2013	3 tháng		5.000.000.000
0536/13/0341/RG	10/12/2013	3 tháng		13.345.000.000
0536/13/0341/RG	10/12/2013	3 tháng		6.000.000.000
0536/13/0341/RG	12/12/2013	3 tháng		10.820.000.000
0568/13/0341/RG	11/12/2013	3 tháng		34.200.000.000
0568/13/0341/RG	12/12/2013	3 tháng		24.000.000.000
0568/13/0341/RG	13/12/2013	3 tháng		33.170.000.000
0568/13/0341/RG	27/12/2013	3 tháng		3.200.000.000
0471/13/0091/RG	08/10/2013	3 tháng	106.900	2.251.784.659
0471/13/0091/RG	16/10/2013	3 tháng	43.700	920.514.402
0471/13/0091/RG	24/10/2013	3 tháng	118.900	2.504.557.493
0471/13/0091/RG	25/10/2013	3 tháng	95.500	2.011.650.467
0471/13/0091/RG	28/10/2013	3 tháng	179.600	3.783.166.743
0471/13/0091/RG	31/10/2013	3 tháng	131.100	2.761.543.207
0471/13/0091/RG	05/11/2013	3 tháng	111.500	2.348.680.912
0471/13/0091/RG	06/11/2013	3 tháng	130.900	2.757.330.326
0471/13/0091/RG	11/11/2013	3 tháng	138.500	2.917.419.788
0471/13/0091/RG	19/11/2013	3 tháng	88.800	1.870.518.969
0466/13/0361/RG	04/10/2013	3 tháng	881.000	18.557.738.866
0466/13/0361/RG	08/10/2013	3 tháng	1.683.000	35.451.389.910
0466/13/0361/RG	28/10/2013	3 tháng	47.400	998.452.693
0491/13/0361/RG	16/10/2013	3 tháng	1.302.800	27.442.703.966
0561/13/0361/RG	06/12/2013	3 tháng	1.000.000	21.064.402.799
0418/13/0361/RG	31/12/2013	4 tháng		45.000.000.000
<b>Cộng</b>				<b>447.346.855.200</b>

Lãi suất vay biến động theo từng khế ước nhận nợ, trong đó lãi suất cho vay bằng USD áp dụng trong năm 2013 thấp nhất 2,5%/năm, cao nhất 3%/năm, lãi suất cho vay bằng VND dao động từ 6,5% đến 7%/năm.

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.11.1.c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC – Tp. Hồ Chí Minh

Khế ước vay	Ngày vay	Ngày đến hạn	Lãi suất/năm	31/12/2013	
				USD	VND
LAEVNM303800	04/11/2013	05/02/2014	2,90%	600.000	12.641.936.720
LAEVNM303852	08/11/2013	06/02/2014	2,90%	600.000	12.641.936.720
LAEVNM304493	30/12/2013	31/03/2014	2,20%	800.000	16.855.915.626
LAEVNM304518	31/12/2013	31/03/2014	2,20%	800.000	16.855.915.626
<b>Cộng</b>					<b>58.995.704.692</b>

(5.11.1.d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương – CN Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12370018/HĐTĐ ngày 30/10/2012 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng hoặc USD tương đương, thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng với lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ cụ thể. Trong đó khoản vay bằng VND là 220.927.965.216, lãi suất từ 6,5% - 7%/năm; vay bằng USD là 1.038.763,00 USD tương đương 21.928.754.315 đồng, lãi suất từ 2,5% - 3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển của công ty.

(5.11.1.e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Cần Thơ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 169.13.451.593971 TDHM ngày 21/06/2013 với hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng hoặc USD tương đương, thời hạn giải ngân đến 30/06/2014 với lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển. Dư nợ vay tại 31/12/2013 là của khế ước nhận nợ sau:

Khế ước vay	Ngày vay	Ngày đến hạn	Lãi suất/năm	31/12/2013	
				USD	VND
LD1330900369	05/11/2013	05/05/2014	2,80%	857.319	18.020.192.391
LD1333600198	02/12/2013	02/02/2014	6,60%		19.000.000.000
LD1334700193	13/12/2013	13/02/2014	6,50%		38.380.000.000
LD1336500208	31/12/2013	01/03/2014	6,30%		68.000.000.000
<b>Cộng</b>					<b>143.400.192.391</b>

(5.11.2) Chi tiết vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả

		31/12/2013	
		Nợ đến hạn	Nợ gốc
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang	(5.11.2.a)	19.120.000.000	73.290.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang	(5.11.2.b)	-	82.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>19.120.000.000</b>	<b>155.290.000.000</b>

(5.11.2.a) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang

Hợp đồng	Số tiền vay	Lãi suất/năm	Ngày vay	Thời hạn
01/2009/VCB-DLTM/DA	750.000.000	11,10%	15/09/2009	60 tháng
02/2009/VCB-DLTM/DA	2.000.000.000	11,10%	29/10/2009	60 tháng
0531/11/BD01/RG	7.560.000.000	12,50%	01/08/2011	60 tháng
0712/11/BD01/RG	24.000.000.000	12,50%	05/10/2011	84 tháng
0742/12/BD01/RG	39.100.000.000	14,80%	03/07/2012	84 tháng
1018/12/BD01/RG	19.000.000.000	12,50%	13/09/2012	76 tháng
<b>Cộng</b>	<b>92.410.000.000</b>			

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang 92.410.000.000 VND, trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 là 19.120.000.000 VND.

(5.11.2.b) Khoản vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang theo Quyết định 2641/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ngày 02/12/2010, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 4,8%/năm.

### 5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
Phải trả người bán	101.914.990.102	137.060.869.665
Người mua trả tiền trước (5.12.1)	<u>15.164.330.500</u>	<u>13.533.820.619</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>117.079.320.602</u></b>	<b><u>150.594.690.284</u></b>

(5.12.1) Chi tiết người mua trả tiền trước:

	31/12/2013
<i>Người mua trả tiền trước tại Văn Phòng công ty</i>	<i>10.561.701.920</i>
Phạm Khắc Chính (ứng tiền mua đất)	470.000.000
Phạm Bình Dương (ứng tiền mua đất)	1.200.000.000
Wee Tiong PTE LTD Singapore (ứng tiền mua gạo)	8.073.765.920
Newworld LTD (ứng tiền mua gạo)	809.886.000
TT Phát triển quỹ đất huyện Kiên Lương	8.050.000
<i>Người mua trả tiền trước tại XN Kinh doanh xăng dầu Rạch Giá</i>	<i>4.542.109.692</i>
<i>Người mua trả tiền trước tại XN Kinh doanh xăng dầu Phú Quốc</i>	<i>6.109.298</i>
<i>Người mua trả tiền trước tại NM CBG Tân Hiệp</i>	<i>20.994.790</i>
<i>Người mua trả tiền trước tại NM Đồ hộp</i>	<i>33.414.800</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>15.164.330.500</u></b>

### 5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
Thuế giá trị gia tăng	5.022.590.220	494.497.818
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.501.054	168.501.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.767.015.835	4.716.059.181
Thuế thu nhập cá nhân	707.500.209	831.235.022
Thuế tài nguyên	100.000.000	100.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	76.840.247
<b>Cộng</b>	<b><u>9.765.607.318</u></b>	<b><u>6.387.133.322</u></b>

### 5.14. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
Trích trước chi phí phải trả (5.14.1)	<u>901.360.000</u>	<u>1.671.241.767</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>901.360.000</u></b>	<b><u>1.671.241.767</u></b>

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## (5.14.1) Chi tiết chi phí phải trả

	Số đã trích năm 2013	Số phải trích năm 2013	Số đơn vị trích thiếu
Phí uỷ thác xuất khẩu gạo – Nhà máy Giồng Riềng	551.360.000	804.581.780	253.221.780
Phí làm hàng xuất khẩu – Văn phòng công ty	350.000.000	483.760.531	133.760.531
<b>Cộng</b>	<b>901.360.000</b>	<b>1.288.342.311</b>	<b>386.982.311</b>

## 5.15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thừa chờ giải quyết	179.370.494	967.593.920
Kinh phí công đoàn	418.009.751	622.955.050
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	114.515.718	21.973.947
Các khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	6.201.022.641	6.201.022.641
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120.000.000	100.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (5.15.1)	70.029.348.689	86.006.332.962
<b>Cộng</b>	<b>77.062.267.293</b>	<b>93.919.878.520</b>

### (5.15.1) Chi tiết các khoản phải trả khác

	31/12/2013
<b>Phải trả khác tại Văn phòng công ty</b>	<b>69.600.469.974</b>
Công ty CP Đầu tư Vinh Phát (góp vốn đầu tư dự án Phú Quốc)	17.000.000.000
Công ty TNHH XNK Văn Tân (góp vốn đầu tư dự án Phú Quốc)	4.340.000.000
Công ty CP Nông Lâm Sản Kiên Giang (góp vốn đầu tư dự án Phú Quốc)	22.000.000.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II (ứng vốn hỗ trợ đầu tư mở rộng cửa hàng bán xăng dầu, kho chứa, đóng mới xe bồn chở dầu)	20.087.400.221
Công ty Du lịch Kiên Giang	1.300.324.757
Công ty TNHH Thương mại Kiên An Phú KG	3.282.740.500
Công ty TNHH Kiên Hùng I	247.221.050
Công ty TNHH CK XD TM Vinh Phát	35.471.238
Công ty TNHH Thái Long	608.019.885
DNTN Hoàng Trí (bảo hành công trình)	272.051.127
Công ty DV Công ích Thanh Niên Xung Phong	20.000.000
Phải trả các đối tượng khác	406.241.196
Dư có tài khoản 1388 – Văn phòng công ty	1.000.000
<b>Phải trả khác tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá</b>	<b>219.578.028</b>
<b>Phải trả khác tại Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng</b>	<b>45.490.699</b>
<b>Phải trả khác tại Nhà máy thực phẩm Đóng Hộp KTC</b>	<b>163.809.988</b>
<b>Cộng</b>	<b>70.029.348.689</b>

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 5.16. Vốn chủ sở hữu

### 5.16.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>249.245.147.398</b>	<b>1.004.159.565</b>	<b>9.848.667.827</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ			25.196.448.613
Phân phối lợi nhuận bổ sung vốn Nhà nước	5.069.354.477		(5.069.354.477)
Điều chỉnh giảm vốn nhà nước_chi phí tư vấn pháp lý thành lập công ty con_CT TNHH MTV TMDVKG	(230.000.000)		
Điều chỉnh tăng vốn nhà nước_thu lại tiền thanh lý 2 xe hơi_CT TNHH MTV TMDVKG	279.616.694		
Phân phối lợi nhuận trích các quỹ			(20.127.094.136)
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại SDCK công nợ gốc USD cuối kỳ năm trước		(1.004.159.565)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>254.364.118.569</b>	<b>-</b>	<b>9.848.667.827</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>254.364.118.569</b>	<b>-</b>	<b>9.848.667.827</b>
Lợi nhuận tăng trong năm			50.019.485
<b>Các bút toán điều chỉnh theo BBKT Nhà nước năm 2012:</b>			
Điều chỉnh tăng vốn nhà nước_chi phí tư vấn pháp lý thành lập công ty con_CT TNHH MTV TMDVKG	230.000.000		
Điều chỉnh tăng Lợi nhuận chưa phân phối do loại trừ các chi phí không hợp lý trong kỳ			1.731.133.806
Điều chỉnh tăng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp			(93.318.139)
Điều chỉnh giảm Quỹ khen thưởng phúc lợi			996.433.825
Điều chỉnh tăng Quỹ đầu tư phát triển			(2.680.915.334)
Điều chỉnh tăng Quỹ dự phòng tài chính			(163.781.567)
Điều chỉnh giảm vốn nhà nước	(210.447.409)		210.447.409
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>254.383.671.160</b>	<b>-</b>	<b>9.898.687.312</b>

### 5.16.2 Tình hình tăng giảm các quỹ

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>21.024.654.288</b>	<b>38.409.694.608</b>	<b>22.077.643.502</b>	<b>81.511.992.398</b>
Điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán năm 2012	2.680.915.334	163.781.567	(996.433.825)	1.848.263.076
Chi quỹ trong kỳ	-	-	(12.773.410.705)	(12.773.410.705)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>23.705.569.622</b>	<b>38.573.476.175</b>	<b>8.307.798.972</b>	<b>70.586.844.769</b>

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nội địa	3.836.630.796.958	4.092.129.232.304
Doanh thu xuất khẩu	2.338.945.688.425	1.704.985.067.681
Doanh thu bán bất động sản	4.083.420.000	84.905.141.764
Doanh thu nội bộ	2.438.954.526	2.536.745.178
Cộng doanh thu	<b>6.182.098.859.909</b>	<b>5.884.556.186.927</b>
Các khoản giảm trừ	(394.405.690)	(53.086.994)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6.181.704.454.219</b>	<b>5.884.503.099.933</b>

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.047.522.864.169	5.652.680.291.787
Giá vốn hàng hóa tiêu thụ nội bộ	2.438.954.526	2.536.745.178
Giá vốn đất nền dự án đã chuyển nhượng	4.083.420.000	56.961.398.760
<b>Cộng</b>	<b>6.054.045.238.695</b>	<b>3.712.178.435.725</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi, lãi ký quỹ	8.161.287.689	20.187.724.782
Cổ tức lợi nhuận được chia (6.3.1)	9.683.437.541	23.801.528.726
Lãi trả chậm	2.628.518.288	3.404.657.192
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.948.006.260	9.299.841.267
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	586.062.979	752.447.631
Chiết khấu thanh toán – thu nhập khác	92.820.400	100.909.091
<b>Cộng</b>	<b>39.100.133.157</b>	<b>57.547.108.689</b>

(6.3.1) Trong đó, cổ tức đã ghi nhận chưa thu được tiền là: 6.190.664.041 đồng.

### 6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí lãi vay	18.798.740.503	44.800.371.055
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(7.999.552.188)	(1.739.408.948)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.031.264.889	13.937.862.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	97.014.031
<b>Cộng</b>	<b>31.830.453.204</b>	<b>57.095.838.989</b>

### 6.5. Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
Thu tiền hỗ trợ, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	4.628.751.571	8.306.570.738
Thu thanh lý tài sản cố định	395.545.454	275.452.727
Thu nhập từ chuyển nhượng QSD đất	120.000.000	3.121.002.000
Thu chênh lệch giá nhận ủy thác xuất khẩu	10.414.000	135.382.000
Thu nhập từ công nợ, chênh lệch kiểm kê	4.322.362.564	43.289.615
Thu nhập khác	175.083.693	1.788.389.382
<b>Cộng</b>	<b>9.652.157.282</b>	<b>13.670.086.462</b>

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**6.6. Chi phí khác**

	Năm 2013	Năm 2012
Hoàn lại khoản cổ tức dự kiến thu năm trước, năm nay không thu được	9.397.000.000	-
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý TSCĐ	371.344.418	316.059.661
Giá vốn QSD đất chuyển nhượng	85.000.000	3.176.445.556
Chênh lệch thiếu từ kiểm kê	177.702.600	-
Chi bồi thường	119.850.000	596.440.000
Chi phí phạt	20.072.783	46.597.223
Chi phí khác	337.574.659	25.465.697
<b>Cộng</b>	<b>10.508.544.460</b>	<b>4.161.008.137</b>

**6.7. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2013	Năm 2012
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>58.769.485</b>	<b>32.182.384.364</b>
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>		
- Lỗ CLTG chưa thực hiện cuối kỳ trước của các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	(89.229.676)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	(580.581.887)	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(9.683.437.541)	(23.801.528.726)
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>		
- Lỗ CLTG chưa thực hiện cuối kỳ các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	-	89.229.676
- Khoản cổ tức dự kiến thu năm 2012, năm nay không thu được	9.397.000.000	-
- Chi phí bị phạt, các chi phí không được trừ	470.150.792	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(427.328.827)</b>	<b>8.470.085.314</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	35.000.000	27.943.743.004
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(462.328.827)	(19.473.657.690)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản	8.750.000	6.985.935.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>	<b>8.750.000</b>	<b>6.985.935.751</b>

**6.7.1 Chi tiết khoản lỗ thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh còn được chuyển lỗ:**

	Số tiền	Hiệu lực chuyển lỗ
Năm 2012	19.473.657.690	2017
Năm 2013	462.328.827	2018
<b>Cộng</b>	<b>19.935.986.517</b>	

# CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

## 7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

### 7.1 Lãi, lỗ hoạt động đầu tư

	Năm 2013	Năm 2012
Thu thanh lý tài sản cố định	515.545.454	275.452.727
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	(456.344.418)	(316.059.661)
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.161.287.689	20.187.724.782
Cổ tức lợi nhuận được chia	9.683.437.541	23.801.528.726
<b>Cộng</b>	<b>17.903.926.266</b>	<b>43.948.646.574</b>

Người lập



Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT

Ngày 28 tháng 04 năm 2014

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HƯNG LINH



